

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 237/2008/QĐ-UBND

*Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 8 năm 2008***QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định tạm thời việc phân cấp quản lý nhà nước
đối với tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tài
sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước thuộc tỉnh quản lý**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Nghị định số 14/1998/NĐ-CP ngày 06/3/1998 của Chính phủ về quản lý tài sản nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 137/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ Quy định việc phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 202/2006/QĐ-TTg ngày 31/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tài sản nhà nước tại các đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 35/2007/TT-BTC ngày 10/4/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 137/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ Quy định việc phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước thuộc tỉnh quản lý;

Căn cứ Thông tư số 112/2006/TT-BTC ngày 27/12/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quy chế quản lý tài sản nhà nước tại các đơn vị sự nghiệp công lập, ban hành kèm theo Quyết định số 202/2006/QĐ-TTg ngày 31/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 47/2008/NQ-HĐND ngày 11/7/2008 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi về nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2008;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 1831/STC-QLGCS ngày 5/8/2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định tạm thời việc phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước thuộc tỉnh quản lý”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 4388/1998/QĐ-UB ngày 31/12/1998 của UBND tỉnh. Những quy định trước đây của UBND tỉnh trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Ban ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Huế

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY ĐỊNH TẠM THỜI VIỆC PHÂN CẤP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
ĐỐI VỚI TÀI SẢN NHÀ NƯỚC TẠI CƠ QUAN HÀNH CHÍNH, ĐƠN VỊ SỰ
NGHIỆP CÔNG LẬP, TÀI SẢN ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU CỦA
NHÀ NƯỚC THUỘC TỈNH QUẢN LÝ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 237/2008/QĐ-UBND ngày 15/8/2008
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước thuộc tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước.
2. Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc tỉnh quản lý (sau đây gọi chung là cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập) được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.
3. Các đối tượng khác liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định việc phân cấp quản lý nhà nước giữa Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh với sở, ban ngành; giữa Ủy ban nhân dân tỉnh với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố đối với tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước mà theo quy định của pháp luật thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
2. Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác với quy định của Quyết định này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

Điều 3. Tài sản nhà nước thuộc phạm vi áp dụng của Quy định này

1. Tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập (gọi chung là tài sản) là những tài sản được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước (gọi chung là ngân sách nhà nước) được Nhà nước giao cho các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập quản lý, sử dụng; gồm:
 - a) Trụ sở làm việc (nhà làm việc, nhà, công trình xây dựng trên đất, tài sản gắn liền với đất và khuôn viên đất thuộc trụ sở làm việc);
 - b) Cơ sở hoạt động sự nghiệp (bao gồm cả đất và tài sản gắn liền với đất);
 - c) Phương tiện giao thông vận tải (phương tiện đi lại, vận chuyển có gắn động cơ);

d) Nhóm tài sản dùng để làm việc như: Máy móc thiết bị toàn bộ, đồng bộ hoặc thiết bị lẻ; máy lạnh, máy vi tính, máy photocopy, máy fax, phương tiện liên lạc; các chương trình ứng dụng tin học (bao gồm cả lắp đặt, chạy thử, bảo hành ...); bàn, ghế, tủ dùng để làm việc, hội họp và các loại tài sản, thiết bị văn phòng khác;...

đ) Nhóm tài sản, máy móc thiết bị chuyên dùng mà công dụng của nó dùng cho hoạt động đặc thù của một ngành, lĩnh vực nhất định như: Tài sản, máy móc thiết bị ngành Y tế; Văn hóa thông tin; Phát thanh truyền hình; Nông nghiệp; Công nghiệp; Giáo dục đào tạo; Khoa học công nghệ; Bru chính viễn thông;...

e) Các loại tài sản phục vụ công tác chuyên môn khác.

2. Tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước mà pháp luật quy định thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Tài sản nhà nước không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này

1. Đất đai không thuộc khuôn viên trụ sở làm việc của cơ quan hành chính; không thuộc khuôn viên trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Nhà, công trình xây dựng trên đất, các tài sản gắn liền với đất không thuộc trụ sở làm việc của cơ quan hành chính; nhà, công trình xây dựng trên đất, các tài sản gắn liền với đất không thuộc trụ sở làm việc của đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Tài sản thuộc kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích công cộng, lợi ích quốc gia; tài sản sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh quốc gia; tài sản dự trữ quốc gia, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp; tài nguyên thiên nhiên.

Điều 5. Nội dung phân cấp quản lý tài sản nhà nước

1. Phân cấp về thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản (ngoài các tiêu chuẩn, định mức đã được Thủ tướng Chính phủ quy định: trụ sở làm việc, xe ô tô, điện thoại và một số các tài sản khác như máy vi tính, máy photocopy, bàn ghế làm việc,...).

2. Phân cấp về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý, xử lý tài sản; gồm:

a) Đăng ký quyền quản lý, sử dụng tài sản;

b) Quyết định đầu tư xây dựng;

c) Quyết định mua sắm tài sản;

d) Quyết định sửa chữa tài sản;

đ) Quyết định thu hồi tài sản;

g) Quyết định điều chuyển tài sản;

h) Quyết định bán, chuyển đổi hình thức sở hữu tài sản;

i) Quyết định thanh lý tài sản;

k) Quản lý các nguồn tài chính phát sinh trong quá trình quản lý, xử lý tài sản;

l) Kiểm kê, thống kê tài sản;

m) Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản.

3. Phân cấp về thẩm quyền xác lập quyền sở hữu của Nhà nước, thẩm quyền lập phương án xử lý và thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước.

Chương II

PHÂN CẤP QUẢN LÝ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC TẠI CƠ QUAN HÀNH CHÍNH, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Điều 6. Đăng ký quyền quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

1. Tài sản phải đăng ký quyền quản lý, sử dụng; gồm:

- a) Trụ sở làm việc;
- b) Cơ sở hoạt động sự nghiệp;
- c) Phương tiện đi lại, vận chuyển có gắn động cơ;
- d) Các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản.

2. Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp được Nhà nước giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này phải đăng ký quyền quản lý, sử dụng tài sản với cơ quan Tài chính cùng cấp. Trường hợp phát hiện đơn vị không thực hiện đăng ký, cơ quan Tài chính thực hiện ngừng cấp kinh phí phục vụ hoạt động của những tài sản phải đăng ký nhưng không đăng ký; đồng thời thực hiện chế độ xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật.

3. Đối với tài sản không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này thì cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập phải thực hiện lập Thẻ tài sản cố định để theo dõi, hạch toán và thực hiện chế độ quản lý tài sản theo quy định của pháp luật.

4. Nội dung, trình tự, thủ tục đăng ký quyền quản lý, sử dụng tài sản thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 7. Thẩm quyền quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản nhà nước mà trung ương chưa quy định

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản chuyên dùng có giá trị (mới 100%) từ 100 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản phục vụ cho hoạt động của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

2. Các Sở, Ban ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản chuyên dùng có giá trị (mới 100%) dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản phục vụ cho hoạt động của cơ quan, của ngành và các đơn vị thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng tài sản nhà nước

Thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và mua sắm các trang thiết bị gắn liền với dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản nhà nước

1. Căn cứ tiêu chuẩn, định mức và dự toán ngân sách hàng năm được giao:

a) Trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và các cơ quan liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm:

- Ô tô, tàu thủy, mô tô đặc chủng;

- Máy móc, trang thiết bị làm việc; máy móc, trang thiết bị chuyên dùng và các động sản khác có giá mua mới (100%) từ 100 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản (kể cả nhóm tài sản có tính đồng bộ, cùng chủng loại) của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý;

b) Thủ trưởng sở, ban ngành quyết định mua sắm:

- Tài sản là phương tiện đi lại, vận chuyển có gắn động cơ khác (trừ xe ô tô, tàu thủy, mô tô đặc chủng) theo đúng tiêu chuẩn, định mức quy định;

- Máy móc, trang thiết bị làm việc; máy móc, trang thiết bị chuyên dùng và các động sản khác có giá mua mới (100%) dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định mua sắm tài sản là phương tiện đi lại, vận chuyển có gắn động cơ khác (trừ xe ô tô, tàu thủy, mô tô đặc chủng) theo đúng tiêu chuẩn, định mức quy định; máy móc, trang thiết bị làm việc; máy móc, trang thiết bị chuyên dùng và các động sản khác của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý trên cơ sở đề nghị của cơ quan Tài chính và các cơ quan liên quan cùng cấp.

2. Đối với việc mua sắm tài sản không gắn với dự án đầu tư xây dựng cơ bản thông qua đấu thầu:

a) Trường hợp gói thầu mua sắm thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Sở Tài chính chịu trách nhiệm thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt:

+ Kế hoạch đấu thầu;

+ Hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên;

- Ủy quyền cho Thủ trưởng sở, ban ngành phê duyệt hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu có giá trị dưới 500 triệu đồng. Cơ quan, tổ chức chủ trì thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu do thủ trưởng sở, ban ngành quyết định.

b) Trường hợp gói thầu mua sắm thuộc thẩm quyền quyết định của thủ trưởng sở, ban ngành do thủ trưởng cơ quan, đơn vị đó giao trách nhiệm cho bộ phận nghiệp vụ chuyên môn thực hiện thẩm định kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu;

c) Trường hợp gói thầu mua sắm thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố do cơ quan tài chính cùng cấp chịu trách nhiệm thẩm định kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu.

3. Việc mua sắm tài sản từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, từ nguồn vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp hoặc sản xuất kinh doanh, dịch vụ của đơn vị; thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập căn cứ vào kế hoạch, dự toán, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tiêu chuẩn, định mức sử dụng và nhu cầu cần thiết phục vụ hoạt động của đơn vị để quyết định việc mua sắm cho phù hợp, bảo đảm tiết kiệm và hiệu quả.

4. Trong trường hợp cần thiết cấp bách, căn cứ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện,

thành phố quyết định bổ sung ngân sách để mua sắm tài sản ngoài dự toán ngân sách hàng năm được giao thuộc phạm vi quản lý trên cơ sở đề nghị của cơ quan tài chính cùng cấp.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định sửa chữa tài sản nhà nước

1. Căn cứ tiêu chuẩn, định mức và dự toán ngân sách hàng năm được giao:

a) Việc sửa chữa trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; thẩm quyền quyết định như sau:

- Trường hợp sử dụng từ nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản thì thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng;

- Trường hợp sử dụng từ các nguồn vốn khác của ngân sách nhà nước (không thuộc nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản):

+ Kinh phí sửa chữa từ 100 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản/1 lần sửa chữa do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và các cơ quan liên quan;

+ Kinh phí sửa chữa dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản/1 lần sửa chữa do thủ trưởng sở, ban ngành quyết định đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý;

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định sửa chữa tài sản của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý trên cơ sở đề nghị của cơ quan tài chính và các cơ quan liên quan cùng cấp;

b) Việc sửa chữa phương tiện đi lại, vận chuyển có gắn động cơ; máy móc, trang thiết bị làm việc; máy móc, trang thiết bị chuyên dùng và các động sản khác của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; thẩm quyền quyết định như sau:

- Kinh phí sửa chữa từ 100 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản/1 lần sửa chữa do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và các cơ quan liên quan;

- Kinh phí sửa chữa dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản/1 lần sửa chữa do Thủ trưởng các Sở, Ban ngành quyết định đối với cơ quan hành chính, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định việc sửa chữa của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý trên cơ sở đề nghị của cơ quan Tài chính và các cơ quan liên quan cùng cấp.

2. Việc sửa chữa tài sản quy định tại khoản 1 Điều này chỉ được thực hiện nếu kinh phí sửa chữa không vượt 70% so với giá trị của tài sản tại thời điểm thực hiện việc sửa chữa.

3. Trong trường hợp cần thiết cấp bách, căn cứ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định bổ sung ngân sách để sửa chữa tài sản ngoài dự toán ngân sách hàng năm được giao thuộc phạm vi quản lý trên cơ sở đề nghị của cơ quan tài chính cùng cấp.

Điều 11. Thẩm quyền thu hồi tài sản nhà nước; quản lý, xử lý tài sản nhà nước thu hồi

1. Thu hồi tài sản trong các trường hợp:

a) Đầu tư xây dựng mới, mua sắm, điều chuyển, thu hồi, bán, chuyển đổi hình thức sở hữu, vượt tiêu chuẩn định mức, không đúng thẩm quyền do Nhà nước quy định;

b) Không sử dụng mà đơn vị sử dụng không đề nghị phương án xử lý có hiệu quả;

c) Sử dụng sai mục đích, sai chế độ quy định, bán, chuyển nhượng, cho, tặng không đúng thẩm quyền;

d) Các trường hợp phải thu hồi khác theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền thu hồi:

a) Trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và các cơ quan liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi:

- Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

- Ô tô, tàu thủy, mô tô đặc chủng;

- Máy móc, trang thiết bị làm việc; máy móc, trang thiết bị chuyên dùng và các động sản khác có giá mua sắm ban đầu từ 100 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý;

- Tài sản khác của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý; tài sản của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố bị sử dụng sai mục đích, lãng phí, thiếu trách nhiệm trong quản lý, sử dụng nhưng chưa được xử lý;

b) Thủ trưởng sở, ban ngành quyết định thu hồi phương tiện đi lại, vận chuyển có gắn động cơ khác (trừ ô tô, tàu thủy, mô tô đặc chủng); máy móc, trang thiết bị làm việc; máy móc, trang thiết bị chuyên dùng và các động sản khác có giá mua sắm ban đầu dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý;

c) Trên cơ sở đề nghị của cơ quan tài chính và các cơ quan liên quan cùng cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định thu hồi:

- Trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp; phương tiện đi lại, vận chuyển có gắn động cơ khác (trừ ô tô, tàu thủy, mô tô đặc chủng); máy móc, trang thiết bị làm việc; máy móc, trang thiết bị chuyên dùng và các động sản khác của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý;

- Tài sản khác của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý bị sử dụng sai mục đích, lãng phí, thiếu trách nhiệm trong quản lý, sử dụng nhưng chưa được xử lý;

- Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài chính) những tài sản của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc trung ương hoặc thuộc tỉnh quản lý đặt tại địa phương bị sử dụng sai mục đích, sai chế độ quy định, lãng phí, thiếu trách nhiệm trong quản lý, sử dụng.

2. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Quản lý, xử lý tài sản nhà nước thu hồi:

a) Tài sản bị thu hồi theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở Tài chính quản lý và lập phương án xử lý;

- b) Thủ trưởng Sở, Ban ngành có trách nhiệm quản lý và xử lý tài sản bị thu hồi theo thẩm quyền đúng quy định hiện hành của Nhà nước;
- c) Tài sản bị thu hồi theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố do cơ quan Tài chính cùng cấp quản lý và lập phương án xử lý;
- d) Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bị thu hồi thực hiện theo Luật Ngân sách hiện hành và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 12. Thẩm quyền điều chuyển tài sản nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển:

a) Trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp; phương tiện đi lại, vận chuyển; máy móc, trang thiết bị làm việc; máy móc, trang thiết bị chuyên dùng và các động sản khác giữa các sở, ban ngành với nhau; giữa sở, ban ngành với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; giữa Ủy ban nhân dân huyện, thành phố với nhau trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và các cơ quan liên quan;

b) Trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp; ô tô, tàu thủy, mô tô đặc chủng giữa các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của sở, ban ngành; giữa Ủy ban nhân dân huyện, thành phố với các cơ quan tương đương cấp huyện trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và các cơ quan liên quan;

2. Thủ trưởng sở, ban ngành quyết định điều chuyển phương tiện đi lại, vận chuyển khác (trừ ô tô, tàu thủy, mô tô đặc chủng); máy móc, trang thiết bị làm việc; máy móc, trang thiết bị chuyên dùng và các động sản khác giữa các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định điều chuyển trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp; phương tiện đi lại, vận chuyển có gắn động cơ khác (trừ ô tô, tàu thủy, mô tô đặc chủng); máy móc, trang thiết bị làm việc; máy móc, trang thiết bị chuyên dùng và các động sản khác giữa các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý; giữa Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn với nhau; trên cơ sở đề nghị của cơ quan tài chính và các cơ quan liên quan cùng cấp.

4. Nguồn tài sản điều chuyển:

- a) Tài sản nhà nước đã thu hồi theo quyết định của cấp có thẩm quyền;
- b) Tài sản không sử dụng; tài sản sử dụng vượt tiêu chuẩn, định mức do đơn vị sử dụng hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị sử dụng đề nghị điều chuyển;
- c) Tài sản nhà nước được hình thành từ các nguồn: Tiếp nhận viện trợ, cho, biếu, tặng và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

5. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

6. Số tiền thu được do hình thức xử lý điều chuyển (nếu có) được quản lý, sử dụng theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước hiện hành và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 13. Bán, chuyển đổi hình thức sở hữu tài sản nhà nước

1. Trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và các cơ quan liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán (bao gồm cả quyền sử dụng đất), chuyển đổi hình thức sở hữu đối với:

a) Trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý;

b) Ô tô, tàu thủy, mô tô đặc chủng.

2. Thủ trưởng Sở, Ban ngành quyết định bán, chuyển đổi hình thức sở hữu đối với phương tiện đi lại, vận chuyển có gắn động cơ khác (trừ ô tô, tàu thủy, mô tô đặc chủng); máy móc, trang thiết bị làm việc; máy móc, trang thiết bị chuyên dùng và các động sản khác của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định bán (bao gồm cả quyền sử dụng đất), chuyển đổi hình thức sở hữu đối với:

a) Trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp thuộc huyện quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Phương tiện đi lại, vận chuyển có gắn động cơ khác (trừ ô tô, tàu thủy, mô tô đặc chủng); máy móc, trang thiết bị làm việc; máy móc, trang thiết bị chuyên dùng và các động sản khác của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

4. Trình tự, thủ tục bán, chuyển đổi hình thức sở hữu (bao gồm cả quyền sử dụng đất), tài sản thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

5. Số tiền thu được từ việc bán, chuyển đổi hình thức sở hữu tài sản được quản lý, sử dụng theo đúng quy định của Luật Ngân sách hiện hành và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 14. Thanh lý tài sản nhà nước

1. Trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và các cơ quan liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý đối với:

a) Trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp có nguyên giá trên sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý;

b) Ô tô, tàu thủy, mô tô đặc chủng;

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có nguyên giá dưới 500 triệu đồng của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý;

3. Thủ trưởng sở, ban ngành quyết định thanh lý phương tiện đi lại, vận chuyển có gắn động cơ khác (trừ ô tô, tàu thủy, mô tô đặc chủng); máy móc, trang thiết bị làm việc; máy móc, trang thiết bị chuyên dùng và các động sản khác của các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định thanh lý trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp; phương tiện đi lại, vận chuyển có gắn động cơ khác (trừ ô tô, tàu thủy, mô tô đặc chủng); máy móc, trang thiết bị làm việc; máy móc,

trang thiết bị chuyên dùng và các động sản khác của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

5. Trình tự, thủ tục thanh lý tài sản thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

6. Số tiền thu được từ việc thanh lý tài sản được quản lý, sử dụng theo đúng quy định của Luật Ngân sách hiện hành và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 15. Kiểm kê, thống kê tài sản nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc điều tra, thống kê tài sản tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên phạm vi toàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Thủ trưởng các Sở, Ban ngành có trách nhiệm tổ chức thực hiện kiểm kê tài sản tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý định kỳ hàng năm theo đúng quy định của pháp luật về kế toán, thống kê.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định việc điều tra, thống kê tài sản tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

1. Thẩm quyền quyết định thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản được quy định như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên phạm vi toàn tỉnh;

b) Thủ trưởng sở, ban ngành tỉnh có trách nhiệm kiểm tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý định kỳ hàng năm theo quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

2. Khi thực hiện thanh tra, kiểm tra; cơ quan thanh tra, kiểm tra có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân được thanh tra, kiểm tra xuất trình các hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản. Nếu phát hiện vi phạm, có quyền xử lý hoặc kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương III

PHÂN CẤP QUẢN LÝ TÀI SẢN ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU CỦA NHÀ NƯỚC THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

Điều 17. Thẩm quyền xác lập quyền sở hữu nhà nước

1. Đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm pháp luật bị tịch thu sung quỹ nhà nước:

a) Thẩm quyền quyết định tịch thu sung quỹ nhà nước đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

b) Thẩm quyền quyết định tịch thu sung quỹ nhà nước đối với tài sản của người bị kết án được thực hiện theo quy định của pháp luật về hình sự;

c) Thẩm quyền quyết định tịch thu sung quỹ nhà nước đối với vật chứng vụ án được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước đối với:

a) Vật bị chôn giấu, chìm đắm, vật bị đánh rơi, bỏ quên được tìm thấy theo quy định của pháp luật;

b) Bất động sản trên địa bàn được xác định là vô chủ hoặc không xác định được chủ sở hữu;

c) Di sản không có người thừa kế theo di chúc, theo pháp luật hoặc có nhưng người đó không được quyền hưởng di sản hoặc từ chối quyền hưởng di sản;

d) Tài sản của các dự án sử dụng vốn ngoài nước do tỉnh quản lý sau khi kết thúc hoạt động được chuyển giao cho Nhà nước Việt nam;

đ) Tài sản được chủ sở hữu chuyển quyền sở hữu dưới hình thức biếu, tặng cho, đóng góp, viện trợ và các hình thức chuyển giao khác theo quy định của pháp luật cho các tổ chức thuộc tỉnh.

3. Tùy theo giá trị, tính đặc thù của từng tài sản tại Điểm a, Khoản 2, Điều này mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước đối với tài sản đó.

Điều 18. Thẩm quyền lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước

1. Thẩm quyền lập phương án xử lý tài sản:

Cơ quan đang quản lý hoặc được giao tạm quản lý tài sản có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản, như sau:

a) Tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm pháp luật bị tịch thu sung quỹ nhà nước:

- Đối với tài sản không có tính năng sử dụng được trong công tác quản lý nhà nước của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thì được chuyển giao cho cơ quan có chức năng để bán đấu giá theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

- Đối với tài sản khác ngoài quy định tại Tiết 1, Điểm a, Khoản 2 của Điều này; thẩm quyền như sau:

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý theo quy định của pháp luật đối với đất; nhà, công trình xây dựng trên đất, tài sản gắn liền với đất; phương tiện đi lại, vận chuyển có gắn động cơ; các tài sản khác có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản do cơ quan nhà nước

cấp tỉnh ra quyết định tịch thu trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và các cơ quan liên quan;

+ Giám đốc Sở Tài chính quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với những tài sản do cơ quan nhà nước cấp tỉnh ra quyết định tịch thu (trừ tài sản quy định thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh tại Tiết 2, Điểm a, Khoản 2 của Điều này);

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định theo thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý đối với đất; nhà, công trình xây dựng trên đất, tài sản gắn liền với đất; phương tiện đi lại, vận chuyển có gắn động cơ (trừ ô tô, tàu thủy, mô tô đặc chủng); các tài sản khác do cơ quan nhà nước cấp huyện ra quyết định tịch thu trên cơ sở đề nghị của cơ quan Tài chính cùng cấp và các cơ quan liên quan. Trường hợp tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm pháp luật bị tịch thu sung quỹ nhà nước do cơ quan nhà nước cấp huyện ra quyết định tịch thu là ô tô, tàu thủy, mô tô đặc chủng thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài chính) để xem xét, quyết định phê duyệt phương án xử lý;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với:

- Vật bị chôn giấu, chìm đắm, vật bị đánh rơi, bỏ quên được tìm thấy theo quy định của pháp luật;

- Bất động sản trên địa bàn được xác định là vô chủ hoặc không xác định được chủ sở hữu;

- Di sản không có người thừa kế theo di chúc, theo pháp luật hoặc có nhưng người đó không được quyền hưởng di sản hoặc từ chối quyền hưởng di sản;

- Tài sản của các dự án sử dụng vốn ngoài nước do tỉnh quản lý sau khi kết thúc hoạt động được chuyển giao cho Nhà nước Việt nam.

- Tài sản được chủ sở hữu chuyển quyền sở hữu dưới hình thức biếu, tặng cho, đóng góp, viện trợ và các hình thức chuyển giao khác theo quy định của pháp luật cho các tổ chức thuộc tỉnh.

c) Chủ tịch UBND huyện, thành phố quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với vật bị chôn giấu, chìm đắm, vật bị đánh rơi, bỏ quên được tìm thấy theo quy định của pháp luật khi được Chủ tịch UBND tỉnh giao.

Điều 19. Phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi liên quan đến việc xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước

1. Phân cấp nguồn thu:

a) Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt phương án xử lý, được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước cấp tỉnh.

b) Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố phê duyệt phương án xử lý, được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước cấp huyện, thành phố.

2. Phân cấp nhiệm vụ chi liên quan đến việc xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước:

a) Chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước được sử dụng từ số tiền thu được của việc xử lý tài sản.

b) Trường hợp xử lý tài sản mà không có nguồn thu hoặc số thu không đủ bù đắp chi phí, thì chi phí do ngân sách nhà nước chi trả. Tài sản thuộc cấp nào xử lý thì chi phí do ngân sách cấp đó chi trả.

c) Trường hợp tài sản được điều chuyển cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức của Nhà nước thì chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản do cơ quan, đơn vị, tổ chức được tiếp nhận tài sản chi trả.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN PHÂN CẤP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI TÀI SẢN NHÀ NƯỚC

Điều 20. Trách nhiệm thực hiện phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước

1. Sở Tài chính có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với tài sản tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên phạm vi toàn tỉnh và phân cấp của Chính phủ.

2. Căn cứ Quy định này và các quy định hiện hành của Nhà nước có liên quan, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thực hiện phân cấp quản lý tài sản nhà nước cho các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (nếu thấy cần thiết). Cơ quan Tài chính cấp huyện giúp Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thực hiện phân cấp quản lý tài sản nhà nước, thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương; báo cáo cơ quan có thẩm quyền tình hình thực hiện phân cấp và tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ở địa phương.

Điều 21. Trách nhiệm của các sở, ban ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

1. Trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo đúng quy định của pháp luật và theo phân cấp tại Quy định này.

2. Quyết định việc đầu tư xây dựng; mua sắm; sửa chữa; thu hồi; điều chuyển; bán, chuyển đổi hình thức sở hữu; thanh lý; góp vốn liên doanh, liên kết tài sản nhà nước của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và thẩm quyền quy định tại Quy định này.

3. Thực hiện đầy đủ các quy định tại Điều 6 và Điều 7 của Quy định này.

4. Tổ chức triển khai việc phân cấp và chịu trách nhiệm về kết quả phân cấp, thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và Quy định này.

5. Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và Quy định này.

Điều 22. Trách nhiệm của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

1. Chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý tài sản.
2. Sử dụng tài sản đúng tiêu chuẩn, định mức; đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả.
3. Thực hiện đăng ký, báo cáo tài sản nhà nước theo đúng quy định hiện hành.
4. Công khai tiêu chuẩn, định mức tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước của cơ quan, đơn vị.
5. Chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Sở Tài chính có trách nhiệm

1. Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.
2. Quyết định hoặc đề xuất, kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý thu hồi; điều chuyển; bán (bao gồm cả quyền sử dụng đất), chuyển đổi hình thức sở hữu; thanh lý tài sản của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật và Quy định này.
3. Tổ chức kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật và Quy định này.
4. Tổng hợp, báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên phạm vi toàn tỉnh theo quy định của pháp luật và Quy định này.

**Chương V
XỬ LÝ VI PHẠM VÀ KHEN THƯỞNG****Điều 24. Hành vi bị coi là vi phạm pháp luật về phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước**

1. Quyết định đầu tư xây dựng mới; mua sắm; sửa chữa; thu hồi, điều chuyển; bán, chuyển đổi hình thức sở hữu; thanh lý tài sản nhà nước không đúng tiêu chuẩn, định mức; không đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Quy định này.
2. Không thực hiện chế độ kê khai, đăng ký; báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
3. Các hành vi khác vi phạm quy định hiện hành của Nhà nước và Quy định này.

Điều 25. Xử lý vi phạm về phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước

1. Việc quyết định đầu tư xây dựng mới; mua sắm; sửa chữa; thu hồi, điều chuyển; bán, chuyển đổi hình thức sở hữu; thanh lý tài sản nhà nước vượt tiêu chuẩn, định mức và không đúng thẩm quyền do Nhà nước quy định và theo Quy định này sẽ bị:

a) Thu hồi lại tài sản đã đầu tư xây dựng mới, mua sắm để điều chuyển cho các tổ chức, cá nhân có tiêu chuẩn, định mức được sử dụng;

b) Đình chỉ việc khởi công xây dựng hoặc đình chỉ xây dựng đối với công trình đang xây dựng nhưng mức đầu tư vượt quá tiêu chuẩn, định mức quy định của Nhà nước;

c) Người ra quyết định đầu tư xây dựng mới, mua sắm tài sản nhà nước vượt tiêu chuẩn, định mức phải chịu xử lý kỷ luật, phải chịu trách nhiệm vật chất theo quy định của pháp luật đối với sai phạm do mình gây ra. Kho bạc Nhà nước được quyền từ chối thanh toán đối với các trường hợp sai phạm này.

2. Cơ quan, tổ chức không thực hiện đăng ký; báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định sẽ bị xử lý như sau:

a) Cơ quan Kế hoạch đầu tư, cơ quan Tài chính và các cơ quan khác theo thẩm quyền từ chối phê duyệt quyết định đầu tư, cải tạo nâng cấp, sửa chữa tài sản; từ chối cấp kinh phí để thực hiện việc đầu tư, cải tạo nâng cấp, sửa chữa, mua sắm tài sản của đơn vị;

b) Xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê;

c) Thu hồi những tài sản sử dụng sai chế độ, sai mục đích, lãng phí, không hiệu quả, thiếu trách nhiệm trong quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật và Quy định này.

3. Cá nhân có hành vi vi phạm Quy định này và các quy định hiện hành khác của Nhà nước có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật. Trường hợp làm thiệt hại cho ngân sách nhà nước đều phải bồi thường thiệt hại do mình gây ra.

Điều 26. Khen thưởng

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện phân cấp quản lý tài sản nhà nước được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Khiếu nại

Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước bị xử lý, nếu không đồng ý với quyết định xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật. Việc giải quyết khiếu nại thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 28. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng Sở, Ban ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan liên quan có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc quản lý, sử dụng tài sản thuộc phạm vi quản lý theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có gì vướng mắc, phát sinh thì các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài chính) để xem xét xử lý hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Huế